

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 3 – 2025

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Phụng.

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Mỹ Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024, về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Hồ Thị O.**

Địa chỉ: Ấp L, xã Đ, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Phạm Ngọc T.**

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Hồ Thị O trình bày:

Bà O với ông T được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1991. Ông, bà chung sống với nhau như vợ chồng từ đó cho đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Đến tháng 02 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên cãi nhau, bà O thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn phù hợp và yêu thương nhau như trước nên bà chuyển đến ấp L, xã Đ,

huyện X, tỉnh Sóc Trăng sinh sống; ông, bà không còn chung sống với nhau khoảng 09 năm nay. Nay bà yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng bà với ông T.

Về con chung: Ông, bà có 01 con chung tên Phạm Ngọc H, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1992, hiện nay con chung đã trưởng thành và đã lập gia đình riêng, nên bà O không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bà vOi ông T không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Trong biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10 tháng 02 năm 2025 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Ngọc T điều trình bày:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà Hồ Thị O về: Thời gian đám cưới, chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn; về con chung; Ông, bà có tài sản chung và nợ chung, nhưng tự thoả thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Ông T còn thương bà O; ông không biết lý do vì sao bà O yêu cầu ly hôn; trong cuộc sống ông, bà có mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, nên ông không đồng ý ly hôn.

3. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ giữa nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Các đương sự đều thống nhất có 01 con chung tên Phạm Ngọc H, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1992, hiện nay con chung đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết; về tài sản và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn với bị đơn, do bị đơn cư trú ấp M, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nên đây là vụ án ly hôn và việc Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Phạm Ngọc T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần, nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của ông T không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Bà Hồ Thị O và ông Phạm Ngọc T đều cho rằng ông, bà tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ông, bà cư trú. Ông, bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn và ông, bà không còn chung sống với nhau khoảng 09 năm nay. Bà O yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông T là vợ chồng.

Theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng” và theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật này quy định thì: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”. Bà O, ông T chung sống với nhau như vợ chồng, tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng ông, bà không đăng ký kết hôn, theo như quy định trên đây thì nay bà O yêu cầu ly hôn với ông T, nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà O với ông T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà O, ông T đều cho rằng ông, bà có 01 con chung tên Phạm Ngọc H, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1992, hiện nay con chung đã trưởng thành, lập gia đình có cuộc sống riêng, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân; ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà O và ông T đều thống nhất là tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận và lời đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà O là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận bà Hồ Thị O và ông Phạm Ngọc T là vợ chồng.

2. Về con chung tên: Phạm Ngọc H, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1992, hiện nay con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân; các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất là tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Hồ Thị O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008321 ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng; như vậy, bà O đã nộp xong án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn ông Phạm Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng (Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh